

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Đúng.

2- Bà Trần Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cơ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Vũ Thị Thái -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Mỹ H, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: 147 ấp 5 xã P, huyện B, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc T, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: C16/13 ấp 3 xã B, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Mỹ H trình bày:

Bà và ông Lê Ngọc T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H vào ngày 14/5/2001. Thời gian đầu bà và

ông T chung sống hạnh phúc, sau đó vì làm chuyện có lỗi với ông Thanh nên bà đã chủ động ly hôn nhưng ông T không đồng ý vì 02 con còn nhỏ và nói rằng còn yêu thương bà, không muốn gia đình ly tán. Tuy nhiên cũng từ đó, cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Ông T là tài xế xe buýt, ngoài thời gian chạy xe thì ăn nhậu, về nhà chửi bới vợ con, thường xuyên có những lời nói gây tổn thương bà, mỗi lần chửi đều nhắc đến lỗi lầm trước đây của bà, dẫn tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Bà không còn yêu thương ông T và cũng cảm nhận được ông T không còn thương yêu bà nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau và ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có hai con chung tên Lê Minh T (Giới tính nam, sinh ngày 21/7/2001, đã trưởng thành) và Lê Mỹ A (Giới tính nữ, sinh ngày 30/3/2006). Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Ngọc T trình bày:

Ông và bà Lê Mỹ H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H ngày 14/5/2001. Quá trình chung sống, ông và bà H có một số mâu thuẫn nhỏ, do tính chất công việc ông là tài xế xe buýt nên ông thường về trễ, ít quan tâm chăm sóc vợ con. Ông không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con cái và vẫn còn thương vợ, muốn gia đình được đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà H có hai con chung tên Lê Minh T (Giới tính nam, sinh ngày 21/7/2001, đã trưởng thành) và Lê Mỹ A (Giới tính nữ, sinh ngày 30/3/2006). Ông không muốn ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Mỹ H xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Ngọc T. Trẻ Lê Mỹ A (Giới tính nữ, sinh ngày 30/3/2006) hiện đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ A, không yêu cầu ông Thanh cấp dưỡng nuôi con. Còn về tài sản chung, nợ chung thì bà và ông T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Lê Mỹ H.

Về con chung: Giao trẻ Lê Mỹ A (sinh ngày 30/3/2006) cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Ngọc T.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T xác định tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Mỹ H và ông Lê Ngọc T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H vào ngày 14/5/2001. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện B, Thành phố H nên căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lê Ngọc T. Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01/2001 ngày 14/5/2001 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H thể hiện hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

Tại Công văn số 430/UBND ngày 18/6/2021 Ủy ban nhân dân xã B cho biết chưa tiếp nhận thông tin, chưa tổ chức hòa giải mâu thuẫn giữa bà Lê Mỹ H và ông Lê Ngọc T nên không thể cung cấp thông tin theo đề nghị của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Tại phiên tòa, bà H xác định từ sau khi bà nộp đơn ly hôn tại Tòa, bà cũng đã suy nghĩ rất nhiều, tạo nhiều cơ hội cho ông T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không hề quan tâm, cũng không có động thái gì níu kéo cuộc hôn nhân này. Tuy sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, mạnh ai nấy sống, mỗi lần vợ chồng nói chuyện thì gây gỗ, cự cãi, không có sự yêu thương chăm sóc với nhau nên đã sống ly thân được một thời gian. Bà xác định không còn thương yêu ông T, chỉ muốn ly hôn để ổn định cuộc sống, có tinh thần lo cho các con. Bà không muốn vì chuyện mâu thuẫn tình cảm vợ chồng làm ảnh hưởng đến tinh thần của các con. Trường hợp Tòa án không cho bà ly hôn thì bà vẫn cương quyết không đoàn tụ với ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để bà H và ông T hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhiều lần động viên, hòa giải nhưng bà H cương quyết ly hôn, không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ, ông T cũng không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn với bà H. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Hằng và ông Thanh là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà Hằng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T xác định quá trình chung sống có 2 con chung là Lê Minh T (Giới tính nam, sinh ngày 21/7/2001, đã trưởng thành) và trẻ Lê Mỹ (Giới tính nữ, sinh ngày 30/3/2006).

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...”

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

Xét, trẻ Lê Mỹ A đang trong giai đoạn hoàn thiện về mặt tâm sinh lý để phát triển về mọi mặt, cần sự chăm sóc, gần gũi, yêu thương, chia sẻ, dạy dỗ nhiều từ mẹ; bản thân trẻ A cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để

đảm bảo quyền lợi mọi mặt và tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ, Hội đồng xét xử sẽ giao các trẻ A cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Phần cấp dưỡng nuôi con bà H không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông T xác định tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H và ông T xác định tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Mỹ H đối với ông Lê Ngọc T.

Bà Lê Mỹ H được ly hôn với ông Lê Ngọc T. Giấy chứng nhận kết hôn số 78 quyển số 01/2001 ngày 14/5/2001 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Lê Mỹ A (Giới tính nữ, sinh ngày 30/3/2006) cho bà Lê Mỹ H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản

trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông T xác định tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H và ông T xác định tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0081391 ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu

